

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-PT

Ngày: 11-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dừa.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Ông Huỳnh Đắc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị C, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Ông Kim Thành D, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm B trình bày: Vào năm 2017 và 2018, bà có cho bà Trần Thị M vay tiền nhiều lần, đến ngày 19/9/2018 (nhằm ngày 10/8/2018 âm lịch) bà và bà Trần Thị M đối chiếu nợ và bà Trần Thị M có ký giấy nhận nợ tổng cộng số tiền 313.000.000 đồng. Sau khi ký giấy nhận nợ, hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà Trần Thị M đóng lãi 5%/tháng nhưng đến nay bà Trần Thị M không đóng lãi và không trả nợ gốc. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị M phải trả cho bà số tiền nợ gốc 313.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ ngày 19/9/2018 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị M trình bày: Trước đây bà có vay của bà Nguyễn Thị Cẩm B dùng cho bà Phan Thị C số tiền 286.000.000 đồng. Đến ngày 30/11/2018, bà với bà Nguyễn Thị Cẩm B và bà Phan Thị C thỏa thuận bà Nguyễn Thị Cẩm B làm chủ hội cho bà Phan Thị C góp hội, một dây 5.000.000 đồng có 36 phần, một dây 10.000.000 đồng có 28 phần hội tháng, bà Nguyễn Thị Cẩm B cho bà Phan Thị C hót hội và đóng hội chết hàng tháng đến khi mãn hội, số tiền hót hội của hai dây hội này bà Nguyễn Thị Cẩm B không đưa cho bà Phan Thị C mà dùng để trừ vào số tiền 286.000.000 đồng mà bà vay của bà Nguyễn Thị Cẩm B dùng cho bà Phan Thị C. Nay bà không đồng ý trả số tiền 313.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C trình bày: Bà không có nhờ bà Trần Thị M vay tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm B, giữa bà và bà Nguyễn Thị Cẩm B có thỏa thuận về việc góp hội nhưng không có thỏa thuận dùng tiền hót hội của bà để trừ vào số tiền bà Trần Thị M nợ bà Nguyễn Thị Cẩm B; bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Thành D trình bày: Ông và vợ ông là bà Phan Thị C không có nhờ bà Trần Thị M vay tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm B, ông không biết gì về việc thỏa thuận góp hội giữa vợ ông và bà Nguyễn Thị Cẩm B; ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 35, 147, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 463, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B.

Buộc bà Trần Thị M trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền 286.000.000 (Hai trăm tám mươi sáu triệu) đồng.

Đình chỉ đối với việc yêu cầu tính lãi suất theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2019.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2019, bà Trần Thị M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị M thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền 286.000.000 đồng, nhưng số tiền này bà cho rằng vay dùm cho bà Phan Thị C; ngày 30/11/2018, bà Nguyễn Thị Cẩm B thống nhất cho bà Phan Thị C tham gia 02 phần hui, loại hui 5.000.000 đồng và loại hui 10.000.000 đồng nhưng bà Phan Thị C chỉ có nghĩa vụ đóng hui cho bà Nguyễn Thị Cẩm B, khi hót bà Nguyễn Thị Cẩm B hót để trừ số tiền bà Trần Thị M vay dùm cho bà Phan Thị C; hai bên có lập thành văn bản cam kết bà Trần Thị M là người chứng kiến. Bà Trần Thị M cho rằng nghĩa vụ trả nợ của bà đã chuyển giao cho bà Phan Thị C xong nên bà không còn thiếu nợ bà Nguyễn Thị Cẩm B. Nay bà Nguyễn Thị Cẩm B yêu cầu bà trả số tiền 286.000.000 đồng bà không đồng ý. Xét kháng cáo của bà Trần Thị M không đồng ý trả cho Nguyễn Thị Cẩm B số tiền 286.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ, 02 Tờ cam kết có trong hồ sơ nội dung thể hiện việc bà Phan Thị C có tham gia chơi hui với bà Nguyễn Thị Cẩm B loại hui 5.000.000 đồng khui ngày 15/4/2018 bà Phan Thị C hót với số tiền 123.500.000 đồng và loại hui 10.000.000 đồng khui ngày 30/11/2018 bà Phan Thị C hót với số tiền 189.400.000 đồng và nêu trách nhiệm đóng tiền hui của bà Phan Thị C cho bà Nguyễn Thị Cẩm B theo ngày tháng quy định nếu sai với cam kết thì bà Phan Thị C phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, 02 Tờ cam kết trên không có nội dung nào thể hiện thỏa thuận chuyển giao nợ giữa bà Trần Thị M và bà Phan Thị C với bà Nguyễn Thị Cẩm B như bà Trần Thị M trình bày. Mặt khác, bà Phan Thị C không thừa nhận có nhờ bà Trần Thị M vay tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm B dùm bà Phan Thị C, bà Nguyễn Thị Cẩm B cũng không thừa nhận có việc thỏa thuận cho bà Phan Thị C tham gia chơi hui để cản trừ tiền với bà Trần Thị M. Bà Trần Thị M không chứng minh được bà đã trả nợ xong cho bà Nguyễn Thị Cẩm B, nên Tòa án nhân dân huyện D buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền 286.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B, buộc bà Trần Thị M chịu

án phí nhưng không tuyên trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Cẩm B là thiếu sót nhưng xét thấy không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm tuyên trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Cẩm B; bác kháng cáo của bà Trần Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị M còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét thấy bà Nguyễn Thị Cẩm B khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M trả cho bà số tiền vay 313.000.000 đồng, yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Cẩm B được chứng minh bằng “Giấy mượn tiền ngày 10/8/2018” có chữ ký của bà Trần Thị M; bà Trần Thị M cũng thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm B và có ký biên nhận nợ; do đó, sự việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Cẩm B và bà Trần Thị M là có thật. Tuy nhiên, bà Trần Thị M cho rằng bà có vay của bà Nguyễn Thị Cẩm B dùng cho bà Phan Thị C số tiền 286.000.000 đồng, bà đã thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Cẩm B và bà Phan Thị C là bà Nguyễn Thị Cẩm B mở hai dây hụi tháng cho bà Phan Thị C góp hụi để cân trừ số tiền 286.000.000 đồng; nhưng lời trình bày này của bà Trần Thị M không được bà Nguyễn Thị Cẩm B, bà Phan Thị C và ông Kim Thành D là chồng của bà Phan Thị C thừa nhận, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm B cho rằng bà Trần Thị M nhờ bà ký tên vào 02 Tờ cam kết hốt hụi để đòi nợ của bà Phạm Thị Cam dùng cho bà Trần Thị M chứ không có việc bà Phan Thị C tham gia chơi hụi và hốt hụi của bà Nguyễn Thị Cẩm B; mặt khác bà Trần Thị M cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị Cẩm B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị M trả cho bà số tiền 313.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ ngày 19/9/2018 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Cẩm B xin rút lại yêu cầu tính lãi và thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Trần Thị M trả cho bà số tiền 286.000.000 đồng, xét việc rút lại yêu cầu tính lãi và thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà

Nguyễn Thị Cẩm B không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Cẩm B là có căn cứ.

[4] Cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B, buộc bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp; nhưng quyết định án sơ thẩm không giải quyết số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Cẩm B đã nộp 7.825.000 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003444 ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Tuy nhiên, thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, cấp phúc thẩm cần phải sửa phần quyết định của án sơ thẩm.

[5] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị M phải án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm B với bị đơn bà Trần Thị M.

Căn cứ các Điều 35, 147, 228 và 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B.
2. Buộc bà Trần Thị M trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng).
3. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Cẩm B theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị M phải chịu 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm B 7.825.000 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003444 ngày ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003574 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh; bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Dưa